



CÔNG TY CỔ PHẦN BÓNG ĐÈN PHÍCH NƯỚC RẠNG ĐÔNG  
RANGDONG LIGHT SOURCE & VACUUM FLASK JOINT STOCK COMPANY

PHÒNG THỬ NGHIỆM VILAS 126

Add: 87-89, Hadinh Str – Khuong Dinh Ward - Hanoi - Vietnam

Tel: (84.24) 38584310 - 38584165 Fax: (84.24) 38585038

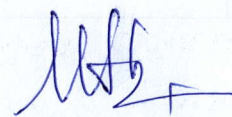
Email: ralaco@rangdong.com.vn Website: rangdong.com.vn

Số/No.: 25.09.26 /TN – 20

Trang/Page: 1 / 2

- Tên mẫu thử: Đèn LED chiếu pha CP12 150W 3000K  
Name of sample
- Khách hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN BÓNG ĐÈN PHÍCH NƯỚC RẠNG ĐÔNG  
Customer Địa chỉ: 87-89 Phố Hạ Đình, phường Khương Đình, TP Hà Nội
- Nhà sản xuất: Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông  
Manufacturer
- Số lượng mẫu: 01 cái  
Quantity of samples
- Ký hiệu: CP12 150W  
Model
- Mã số mẫu: 25.09.26.20  
Code of sample
- Ngày nhận mẫu: 26/ 09/ 2025  
Date of reception
- Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 7722-1:2017/ IEC 60598-1:2014  
Standard applies TCVN 10885-2-1:2015/ IEC 62722-2-1:2014
- Kết quả: Xem trang 02/ 02  
Result

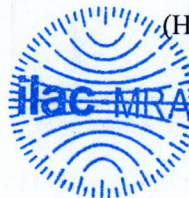
Thử nghiệm viên/Tester  
(Họ tên và chữ ký/name and signature)

  
Nguyễn Minh Thư

Hanoi, Date of 04/ 10/ 2025

KT. Trưởng PTN/ Head of Lab.

(Họ tên và chữ ký/name and signature)



Kim Tuấn Anh

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng mang tới/ This result of testing is only for sample brought in the by customer
- Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự đồng ý của Công ty/ Copying of part of this result is prohibited without agreement by the company.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo khai báo của khách hàng./ Name of sample and name of customer is written according to the declaration of the customer

PTN.TT02.BM04 Ban hành lần 1.1

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM****Test Results**

| TT/<br>No | Tên chỉ tiêu<br>Specifications                                                 | Đơn vị<br>Unit | Phương pháp thử<br>Test method | Yêu cầu<br>Requirement                 | Kết quả<br>Result |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------|----------------|--------------------------------|----------------------------------------|-------------------|
| 1         | Phân loại đèn                                                                  |                | TCVN 10885-2-1                 |                                        |                   |
|           | • Cấp bảo vệ chống điện giật                                                   |                | IEC 62722-2-1                  | --                                     | Cấp I             |
| 2         | Khả năng chống bụi và ẩm                                                       |                | TCVN 7722-1                    |                                        |                   |
|           |                                                                                |                | IEC 60598-1                    |                                        |                   |
| 2.1       | Thử nghiệm cấp bảo vệ bằng vỏ ngoài (Mã IP)                                    |                |                                | IP66                                   | Đạt               |
| 2.2       | Thử nghiệm chịu ẩm trong thời gian 48 h ở nhiệt độ 25 °C, độ ẩm tương đối 93 % |                |                                | Không hư hỏng                          | Đạt               |
| 3         | Khả năng cách điện và độ bền điện                                              |                |                                |                                        |                   |
| 3.1       | Điện trở cách điện                                                             |                |                                |                                        |                   |
|           | • Giữa các phần mang điện và phần kim loại                                     | MΩ             |                                | ≥ 2,0                                  | > 10              |
| 3.2       | Độ bền điện                                                                    |                |                                |                                        |                   |
|           | • Giữa các phần mang điện và phần kim loại<br>1 440 V/ 1 min                   |                |                                | Không bị phóng điện<br>hoặc đánh thủng | Đạt               |
| 4         | Thông số điện, quang, phổ ở điện áp nguồn<br>220 V ~ 50 Hz                     |                |                                |                                        |                   |
| 4.1       | Công suất tiêu thụ                                                             | W              |                                | ≤ 150 + 10%                            | 139,0             |
| 4.2       | Dòng điện tiêu thụ                                                             | mA             |                                | --                                     | 1 265             |
| 4.3       | Hệ số công suất                                                                |                |                                | ≥ 0,50 – 0,05                          | 0,500             |
| 4.4       | Quang thông                                                                    | lm             |                                | ≥ 17 250 – 10 %                        | 16 315            |
| 4.5       | Hiệu suất phát sáng                                                            | lm/W           |                                | ≥ 115 – 20 %                           | 117,4             |
| 4.6       | Nhiệt độ màu tương quan (CCT)                                                  |                |                                | --                                     | 2 950             |
| 4.7       | Hệ số trả màu (CRI)                                                            |                |                                | ≥ 80 – 3                               | 80,7              |